



BÀI HỌC NGUYỄN TRƯỜNG TỖ

CHIANI THIANII

Lịch sử, xét theo một quan niệm nhất định, là một kho tàng khổng lồ chứa đựng các bài học vô giá cho hậu thế. Các chuỗi sự kiện lịch sử xảy ra một cách liên tục theo dòng chảy của thời gian sẽ trở nên vô nghĩa nếu chúng không được "xâu" lại, đúc kết thành những bài học có giá trị về nhiều phương diện khác nhau: luân lý, chính trị, nội giống, tư tưởng, pháp luật... Lịch sử "tạo" ra các bài học cho con người, và con người, tùy theo trình độ nhận thức, hoàn cảnh và mục đích sống của riêng mình, tiếp thu và vận dụng các bài học ấy để "tạo" ra một lịch sử khác cho chính mình. Và cứ như thế mà dòng lịch sử chảy mãi không ngừng, khi tiến hóa, lúc thụt lùi, "mặc kệ" với những "thắng lợi rực rỡ" cũng như những "thất bại cay đắng" của con người...

Tất nhiên mỗi một thời đại, một giai đoạn lịch sử đều có những đặc trưng riêng của nó, không thể xem chủ nghĩa kinh nghiệm - lịch sử là một công cụ nhận thức đúng cho tất cả các thời đại, các giai đoạn. Nhưng đâu sao, những kinh nghiệm của lịch sử bao giờ cũng là những bài học cần thiết cho con người với điều kiện con người phải *biết học* (chứ không phải chỉ là học) một cách thông minh những bài học đó lịch sử đem lại. Chỉ khi đó, loài người mới có hy vọng trở nên khôn ngoan hơn, để tránh được các sai lầm hơn và có quyền hy vọng nhiều hơn vào tương lai của mình...

Lịch sử Việt Nam nói chung và "hiện tượng Nguyễn Trường Tộ" nói riêng cũng đã để lại cho hậu thế chúng ta biết bao nhiêu bài học quý giá mà bốn phần của

chúng ta ngày nay là phải biết chần thành tiếp thu và học thuộc lòng những bài học quý giá ấy.

Nghiên cứu về Nguyễn Trường Tộ, nếu chỉ bàn suông về nội dung các bản điều trần, về hoàn cảnh xã hội, thân thế tác giả mà không rút ra được những kết luận và những bài học cần thiết thì sự nghiên cứu ấy chỉ mới có một nửa giá trị. Tất nhiên, khi rút ra những bài học kinh nghiệm của lịch sử, điều cần thiết là phải hết sức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, không thể vì những mục đích hiện tại hoặc chỉ vì cái gọi là "Chủ nghĩa công lợi" trong lịch sử mà bóp méo hoặc xuyên tạc sự thật của lịch sử bởi vì bất cứ một sự xuyên tạc nào cũng đều không thể đưa tới những bài học có giá trị được.

BÀI HỌC VĂN HÓA

Bài học đầu tiên về Nguyễn Trường Tộ chính là bài học về văn hóa. Chữ "văn hóa" ở đây không có nghĩa là kiến thức thu lượm được từ trong sách vở, dù sách vở đó là của các bậc thánh hiền, cũng không có nghĩa là những thể chế văn hóa đã được đặt ra dưới các triều đại phong kiến. Khi cả triều đình nhà Nguyễn liên tục thất bại trước các hành vi gây hấn và xâm lược của thực dân Pháp, khi chỉ với một toán quân không đông lắm, thực dân pháp đã dễ dàng đánh bại cả mấy vạn quân của triều đình, và khi tư tưởng canh tân tiến bộ của Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Đức Hậu, Đinh Văn Điền, Nguyễn Hiệp, Nguyễn Lộ Trạch... không thể du nhập được vào trong tinh thần, ý thức của triều đình và của cả quần chúng, thì điều đó không chỉ là một thất bại về

chính trị, quân sự của triều đình nhà Nguyễn mà còn là một *thất bại về văn hóa* của cả dân tộc Việt Nam. Có thể đàn tặc chúng ta có thừa các đức tính dũng cảm kiên cường, bất khuất nhưng rõ ràng mặt nền văn hóa dân tộc đích thực và có tính chất toàn diện không thể chỉ bao gồm những yếu tố tinh thần quý báu ấy và nếu chỉ có những yếu tố tinh thần ấy không thôi chúng ta cũng không thể đương đầu được với súng đại bác của thực dân Pháp.

Nguyễn Trường Tộ là *nhà văn hóa* đầu tiên đã nhận thấy và phê phán đúng mức những nhược điểm chết người trong nền văn hóa truyền thống của dân tộc. Trong "Tế cấp bát điều", ông kêu gọi phi chính chính lại học thuật ở trong nước, và đối với ông, "Học tức là học cái chưa biết để mà biết, biết để mà làm, (...). Làm tức là làm những công việc thực tế trong nước hiện nay và để lại việc làm hữu dụng đó cho đời sau nữa" (bản dịch của Trần Lê Hữu). Đối với ông, không có gì quí lại bằng số vốn ở cuối thế kỷ 19, khi tiếng súng đại bác củ thực dân Pháp đã nổ vang ở trên đầu mà từ sĩ phu cho đến dân đen ở trong nước và cứ mãi miết cái học từ chương, "không k dêm ngay luôn miệng kêu rêu Hán Tĩ Tiều Hà của Trung Quốc là những người đã chết từ mấy ngàn năm nay..." (Tế cấp bát điều). Ông cho rằng "học như vậy mà học đến bạc đầu, thật là một chuyện quí lạ" (Tế cấp bát điều).

Mặc dù không trực tiếp nói về giáo dục, học thuật một vị trí quan trọng hàng đầu trong chính sách cai trị ở trong nước. Rõ ràng quốc gia nào không có được một chính sách văn hóa, giáo dục đúng đắn, không biết cái cách văn hóa, giáo dục cho phù hợp với trào lưu tiến bộ của thế đại thì cái họa "suy bại" và mất nước là điều chắc chắn sẽ xảy ra.

Dùng theo ngôn ngữ ngày nay, có thể giải thích thái độ thù địch của triều đình và tinh thần nệ cổ của quần chúng là do "thiếu thông tin" (chỉ có một số rất ít người trong đó có Nguyễn Trường Tộ, được mà

mắn đi ra nước ngoài, quan sát, học hỏi ở bốn phương thiên hạ nên thu nhập được nhiều thông tin hơn, có tầm nhìn rộng hơn). Thông tin chính là hơi thở cần thiết để tạo nên sức sống của nền văn hóa. Thiếu thông tin, cũng có nghĩa là thiếu trí thức, thì một nền văn hóa không thể nào sống mạnh được để có thể đương đầu với các yếu tố du nhập từ bên ngoài vào.

BÀI HỌC CHÍNH TRỊ

Một chính sách đối nội thù cụ, thiên cận, mù quáng cộng với một chính sách đối ngoại sai lầm, không biết người biết ta thì chỉ đưa đến kết quả mất nước mà thôi. Nguyễn Trường Tộ đã nhìn thấy trước điều đó và đã cảnh cáo bằng những lời lẽ thống thiết (Xem: "Thiên hạ phân hợp đại thể luận", "Điều trần về sự ích lợi của việc giao thông", "Tế cấp bất điều") thể nhưng triều đình Nguyễn vẫn không tính ngộ và cuối cùng cái gì phải đến đã đến.

Về nội chính, Nguyễn Trường Tộ thường nhấn mạnh một điều: Phải làm cho dân giàu nước mạnh. Cách đây hơn một thế kỷ, Nguyễn Trường Tộ đã viết được những lời lẽ rất xác đáng như sau: "Quốc gia cũng là đại gia đình của muôn dân, không dạy cho dân biết cách làm giàu, mà chỉ biết thu lấy thuế, không dạy cho dân biết cách dưỡng dục, mà chỉ biết đòi hỏi sự cung cấp mọi khoản, gọi là cha mẹ thế nào được?" (bản dịch của Nông Sơn). Ông nhấn mạnh rằng dân nghèo mà nước được thịnh trị là điều chưa từng thấy bao giờ. Ông cũng yêu cầu phải giảm bớt số quan lại vô ích, nghiêm trị sự hối lộ và hà lam, thu thuế thật công bằng và tùy theo khả năng của người đóng thuế. Về kinh tế, phải biết chấn hưng nông nghiệp, công nghệ, thương nghiệp và cho khai khẩn các mỏ. Tất cả không ngoài mục đích làm cho dân giàu nước mạnh. Quan niệm chính trị của Nguyễn Trường Tộ rất rõ ràng: chính trị cao nhất và phù hợp với lòng người hơn hết chính là thứ chính trị làm cho dân giàu nước mạnh.

Ông cũng là người đầu tiên đề nghị nên phân biệt quyền thẩm phán và quyền cai trị để cho các quan tư pháp được biệt lập mà phân xử theo lẽ công bằng. Sống trong một thời đại mà óc quần chủ còn thống trị nặng nề, có được tư tưởng phân lập quyền hành như trên quả là một bước tiến quan trọng, đi trước thời đại của đất nước rất xa.

BÀI HỌC VỀ SỰ NHẬN THỨC VÀ THÍCH NGHI VỚI THỜI ĐẠI

"Thiên hạ phân hợp đại thể luận", một bản điều trần quan trọng cho thấy Nguyễn Trường Tộ là người có cái nhìn toàn cục đối với lịch sử và tình hình thế giới thời bấy giờ, ông nhấn mạnh "... nếu ta không theo thời mà ứng biến... thì ta sẽ mất tất cả đất nước của ta" (bản dịch của Dương Quảng I lam). Vì chữ thời mà ông chủ trương nên hòa với người Pháp bởi lẽ nếu có chống họ thì cũng chỉ thua, chỉ bằng tìm cách hòa hoãn và lợi dụng kẻ hòa hoãn để tìm mọi cách tăng cường sức mạnh bên

trong, và khi đã đủ sức rồi lúc đó có thể ăn nói tay đôi với Pháp để giành lại những gì đã mất. Ngược lại, nếu cứ húc đầu vào chống lại họ một cách mù quáng thì sẽ mất tất cả. Thật là những kẻ sách rất sáng suốt, nhưng tiếc thay, do nhận thức kém cỏi, triều đình Nguyễn đã không thực hiện được.

"Tùy thời nhi ứng biến" là một chủ trương mà ông đã nhất quán theo đuổi và trình bày rất rõ ràng trong các bản điều trần dâng lên nhà vua, từ chính sách đối ngoại đến chính sách đối nội (cải cách văn hóa, học thuật, kinh tế cũng là một việc làm tùy thời, do yêu cầu của thời đại mà ra). Có thể nói Nguyễn Trường Tộ là người đã nhận thức được một trong các qui luật quan trọng của xã hội loài người: thích nghi để sinh tồn. Đó là một qui luật phổ biến mà nếu ai làm ngược lại, như triều đình nhà Nguyễn thì tất yếu sẽ bị trừng phạt.

BÀI HỌC VỀ DÂN CHỦ, DÂN TRỊ

Nếu (cái chữ "nếu" quái ác luôn luôn mâu thuẫn với sự thật của lịch sử) Nguyễn Trường Tộ may mắn được sống trong một thời đại và một quốc gia biết thật sự tôn trọng những giá trị dân chủ và "nếu" ông được sinh ra trong một xã hội mà trình độ dân trí được nâng cao thì có lẽ những tư tưởng cải cách tiến bộ của ông có nhiều hy vọng nhất để được lắng nghe chân thành, được đánh giá nghiêm túc, đúng đắn và cũng có nhiều cơ may nhất để biến thành hiện thực.

Dân chủ không chỉ là một môi trường tốt nhất cho sự phát sinh những tư tưởng mới, cho sự cọ xát những quan niệm, lập trường khác nhau mà còn là lẽ sống của những xã hội luôn luôn có khát vọng tiến bộ. Dân chủ không phải là một khái niệm trừu tượng mà là một thực thể sống động đặt trên ba trụ cột chính là *dân sinh, dân quyền, dân trị*. Thiếu một trong ba trụ cột này, ngôi đền dân chủ sẽ sụp tức khắc. Thế mà, dưới triều đình nhà Nguyễn, xã hội Việt Nam thiếu hẳn cả ba trụ cột sinh tử này.

BÀI HỌC VỀ TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI

Nguyễn Trường Tộ là người rất chú trọng đến việc rèn luyện và đào tạo nhân tài cho đất nước. Ông đã dành hẳn cả hai bản điều trần để nói về việc này: bản điều trần dâng lên nhà vua vào ngày 9-8-1866 (năm Tự Đức thứ 19) nói về việc phái học sinh đi du học ngoại quốc và bản điều trần ngày 12-11-1871 (Năm Tự Đức thứ 24) cũng là bản điều trần cuối cùng của ông (?) nói về việc học tập để trù lấy nhân tài.

Trong quan niệm của ông, nhân tài là vốn quý nhất của đất nước, là lực lượng quyết định cho sự tồn vong và phát triển của đất nước. Rèn luyện nhân tài là một việc quan trọng nhưng biết trọng dụng nhân tài, giao cho họ giữ những nhiệm vụ thích hợp lại là một việc còn quan trọng hơn. Nguyễn Trường Tộ chính là một người tài hiếm có của đất nước nhưng tiếc thay, triều đình đã không biết trọng dụng

nhân tài đặc biệt này, trái lại, có kẻ triều thần còn âm mưu hãm hại ông. Nhân tài của đất nước, vốn thua thốt như sao buổi sớm, vậy mà vẫn không được trọng dụng. Thật buồn thay!

BÀI HỌC VỀ CHÂN LÝ

Vấn đề Nguyễn Trường Tộ cũng chứng minh một điều: chân lý không phải luôn luôn thuộc về đa số. So với đám sĩ phu và quần thần vào thời đó, Nguyễn Trường Tộ cùng một số ít các nhà cải cách khác chỉ là một nhóm thiểu số, không có lực lượng, không có quyền lực để thực hiện các tư tưởng cải cách của mình. Đứng là một con én không thể làm nên mùa xuân của dân tộc nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng chân lý không thể tồn tại được trên đời cánh mỏng manh của con chim én lẻ loi. Chân lý tuy đi trên những bước chân nhẹ của chim bở đầu nhưng lại có thể có sức mạnh xuyên qua thời gian, làm rung chuyển nhiều thế hệ mai sau. Bạo lực và chân lý cũng không phải bao giờ cũng đi liền với nhau, chứng minh và ủng hộ cho nhau. Có khi bạo lực dùng sức mạnh mù quáng và thiếu lý trí của nó để thống trị và đàn áp chân lý, cũng giống như triều đình Nguyễn đã dùng quyền lực cai trị phản động của mình để bác bỏ các đề nghị cải cách sáng suốt của Nguyễn Trường Tộ. Bỏ máy cai trị của triều đình Nguyễn hà khắc là thế mà vẫn không sao có thể tiêu diệt được ánh sáng chân lý chứa đựng trong các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ. Trái lại, cùng với thời gian, chân lý trong tư tưởng Nguyễn Trường Tộ càng sáng tỏ hơn bao giờ hết. Chân lý có thể bị đàn áp, tiêu diệt trong một giai đoạn nào đó của lịch sử nhưng mãi mãi không bao giờ có thể bị tiêu diệt được bởi một sức mạnh mù quáng nào đó của lịch sử, nhất là khi sức mạnh đó nằm ở trong tay của những kẻ thù cụ thể thiên cận như triều đình nhà Nguyễn. Mặc dù bị thất bại, nhưng tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ vẫn gieo cho hậu thế một niềm lạc quan về sự chiến thắng sau cùng của chân lý đối với bạo lực.

Trường hợp Nguyễn Trường Tộ đã dạy cho chúng ta một bài học: Phải biết trân trọng những ý kiến khác nhau kể cả những ý kiến nghe rất "ngịch nhĩ", trái hẳn với nhận thức thông thường của mọi người, dù đó chỉ là những ý kiến của "một nhóm người nhỏ bé". Chân lý đôi khi rất oái oăm, không ngự trị trong những tòa lâu đài rộng lớn mà lại nằm trong những ngôi nhà lá ọp ẹp, đơn sơ và trong đầu óc của một vài cá nhân thiên tài...

BÀI HỌC VỀ THAI ĐỘ VÀ PHẨM CHẤT CỦA KẾ SĨ

Nguyễn Trường Tộ là một con người tài năng. Nếu muốn, ông vẫn có thể làm quan to để được vinh thân phì gia như trăm ngàn người khác. Nhưng ông lại chọn con đường khổ ải hơn là hòa mình vào cuộc sống của quần chúng, đem những điều sở đắc, học được từ phương Tây giúp đồng bào trong việc khẩn đất, lập ấp và kiến trúc, cũng như viết cả bản điều trần trình lên nhà vua, một việc làm dễ bị chuốc oán mua thù

nhieu hơn là được trân trọng lắng nghe và đánh giá đúng mức. Nhưng là sĩ phu đầy tâm huyết đối với đất nước, với quan niệm "hưng lợi khủ hại", ông sẵn sàng chấp nhận tất cả mọi hậu quả có thể xảy ra miễn nói lên được tiếng nói chân lý và chính nghĩa của một trái tim yêu nước nồng nàn và từ một khối óc đã nhận thức được THỜI và THẾ trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử dân tộc.

Sự dũng cảm của ông đã thể hiện ngay trong bản điều trần về vấn đề tín ngưỡng tôn giáo dâng lên nhà vua vào ngày 29-3-1863. Đó là một vấn đề thời sự gây go nhất đã làm chày máu và roi dẫu biết bao nhiêu người, làm cho quan hệ Việt-Pháp ngày càng trở nên xấu hơn và là cái cớ để thực dân Pháp và Y Pha Nho xâm lược nước ta. Dù thế, ông vẫn thẳng thắn gọi điều trần về triều đình, nêu lên các lý lẽ để cho dân nước được tự do tín ngưỡng. Nếu bọn triều thần muốn lợi dụng bản điều trần này để ghép tội ông thì cũng không phải là một việc khó đối với họ. Không phải ông không biết điều đó, nhưng sự kiện bị thăm xung quanh vấn đề tín ngưỡng này đã thôi thúc ông phải lên tiếng, dù tính mệnh có thể bị đe dọa bởi những xuyên tạc và vu khống của triều đình.

Ông cũng tỏ ra là một người cực kỳ kiên nhẫn. Liên tiếp trong gần mười năm trời, ông dâng hết bản điều trần này đến bản điều trần khác, dẫu bị triều đình bác bỏ, ông vẫn cầm cuì, kiên nhẫn gọi các bản điều trần khác, thậm chí cả khi nằm trên giường bệnh gần đất xa trời rồi mà vẫn viết điều trần, thông thiết kêu gọi nhà vua hãy mau mau tỉnh ngộ... Lòng kiên nhẫn và sự dũng cảm của ông thật đáng cho chúng ta khâm phục...

Với một cái học bác học, một tầm nhìn xa thâu suốt bốn cõi và ba thời, một thái độ và nhân cách thật đáng quý, Nguyễn Trường Tộ quả thực là một tấm gương tuyệt đẹp của giới sĩ phu Việt Nam mà hậu thế chúng ta có quyền ca tụng và tự hào.

Có lẽ BÀI HỌC LỚN NHẤT rút ra từ trường hợp Nguyễn Trường Tộ là đừng bao giờ chúng ta lại để lỡ chuyến tàu lịch sử một lần nữa. Mơ ước của Nguyễn Trường Tộ về một nước Việt Nam phú cường, văn minh, hòa nhập với những tiến bộ của thời đại là mơ ước chung của tất cả mọi người Việt Nam.

Hãy để cho đất nước có thật nhiều Nguyễn Trường Tộ, những Nguyễn Trường Tộ của thế kỷ 20 sắp bước vào thế kỷ 21, và chỉ khi nào số phận của đất nước mỉm cười với những Nguyễn Trường Tộ của ngày hôm nay chúng ta mới có quyền hy vọng một "ngày mai ca hát" của dân tộc, cái ngày mà cảnh nghèo nàn, lạc hậu không còn là nỗi ray rứt khủng khiếp, một nỗi quốc nhục của tất cả mọi người Việt Nam.

Phải chăng chúng ta có quyền hy vọng vào một ngày mai tươi sáng đó của dân tộc?

CT.

22 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

KHU CHẾ XUẤT : MỘT LOẠI HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẢM BẢO NHIỀU TRIỂN VỌNG TỐT ĐẸP

ĐỖ HẢI MINH

Trong nỗ lực công nghiệp hoá để phát triển kinh tế, các nước đang phát triển đều có chủ trương chính sách thu hút đầu tư nước ngoài thể hiện qua luật lệ đầu tư nước ngoài, dành cho các nhà đầu tư nước ngoài những ưu đãi cần thiết về các mặt thuế khoá, về việc chuyển lợi nhuận về nước, về bảo đảm không quốc hữu hoá v.v..., nói tóm lại là những biện pháp khiến doanh nhân nước ngoài an tâm và thấy có lợi để mang vốn, quy trình công nghệ tiên tiến, các bí quyết (know how), cách làm cần thiết vào góp phần đẩy mạnh sản xuất trong nước, tăng thu ngoại tệ...

Nhưng thực tế thường cho thấy việc ban hành luật lệ đầu tư nước ngoài dù nội dung có thoáng đến mức nào chăng nữa cũng vẫn còn một số ứ chế khi áp dụng trên toàn thể lãnh thổ của một nước, do những nguyên nhân phức tạp, chủ yếu là những mặt hạn chế tại các nước đang phát triển; trong thông tin, sự thiếu chính xác trong số liệu thống kê được phổ biến, sự thiếu quan tâm hình thành hoặc hình thành không đáp ứng được nhu cầu thật sự của doanh nhân nước ngoài, khiến phí phạm quá nhiều thời gian tiếp xúc thăm dò rất dễ làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài. Đó là không kể các yếu kém về hạ tầng cơ sở giao thông, tiện ích công cộng, điện nước, v.v..., nhất là điện không phải chỉ về lượng mà còn về chất lượng tức phải đảm bảo không mất điện và điện thế phải ổn định, nhất là đối với các ngành sản xuất điện tử tinh vi...

Những yếu kém kể trên có thể được cải thiện đến mức có thể đáp ứng được, nhu cầu của các doanh nhân nước ngoài tại các nước đang phát triển bằng biện pháp đóng khung trong một phạm vi diện tích đất đai thu hẹp nhất định từ vài chục đến vài trăm hecta mà thôi, hình thành một mô hình phát triển kinh tế được phổ biến ngày nay, được gọi là khu chế xuất (Export processing zone).

Đó là một khu đất tương đối nhỏ, cách biệt (thường bằng tường rào kiên cố) với phần lãnh thổ chung của một nước, được thiết lập nhằm mục đích thu hút các

công nghiệp định hướng xuất khẩu bằng những biện pháp đặc biệt ưu đãi đầu tư so với cả nước, kể cả các điều kiện mậu dịch, xuất nhập khẩu. Đặc biệt, khu chế xuất cho phép doanh nhân được nhập khẩu vật tư nguyên liệu để phục vụ sản xuất các mặt hàng tái xuất khẩu, không phải đóng thuế. Các doanh nhân được ưu đãi ở đây chủ yếu là các doanh nhân nước ngoài từ các nước công nghiệp phát triển, có điều kiện mang vốn, thiết bị, chuyển giao công nghệ v.v... tác động gây hiệu ứng dây chuyền, thúc đẩy nền công nghiệp còn non trẻ trong nước, đồng thời tạo thêm công ăn việc làm, đào tạo và nâng cao tay nghề cho lao động địa phương.

Trong một số khu chế xuất, người dân hoặc các đơn vị kinh tế trong nước chỉ được khuyến khích liên doanh với doanh nhân nước ngoài thay vì đầu tư riêng lẻ vào khu chế xuất.

Tuy dùng từ "chế xuất" tức chỉ liên hệ đến hoạt động sản xuất chế tạo, trên thực tế mô hình "khu chế xuất" ngày nay trong quá trình phát triển là biến thể của cảng tự do (free port) và các khu mậu dịch tự do (free trade zone). Theo tài liệu của Tổ chức phát triển công nghiệp Liên Hiệp Quốc (UNIDO) (1) thì Hiệp hội Khu chế xuất thế giới (World Export Processing Zone Association) đã định nghĩa khu chế xuất theo nghĩa rộng, bao gồm "tất cả khu vực được chính phủ cho phép thành lập như cảng tự do, khu mậu dịch tự do, khu ngoại quan, khu công nghiệp tự do, khu mậu dịch nước ngoài, v.v..."

Cảng tự do là những cảng áp dụng quy chế, thuế quan độc lập; tàu bè, các nguồn hàng hoá và vốn đầu tư nước ngoài được mang vào và đem ra một cách tự do không phải đóng thuế; chỉ khi nào chuyển vào nội địa mới phải đóng thuế. Từ năm 1229, hải cảng Marseille (Pháp) đã lập khu đặc biệt miễn thuế như trên nhưng cảng tự do đầu tiên được thành lập như vậy là cảng Reggio ở Ý.

Tại Panama có cảng Colón là cảng mậu dịch quốc tế tự do (free international trade zone) khuyến khích doanh nhân nước ngoài đầu tư, đạt thành quả đáng kể trong công nghiệp chế biến.